

Số: 82/CBTT-TSHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Trụ sở chính: Số 20 Láng Hạ - phường Láng - Hà Nội

Điện thoại: (+84) 243 8345153 Fax: (+84) 243 8345153

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thu Yên – Kế toán trưởng

Địa chỉ: Số 20 Láng Hạ - phường Láng - Hà Nội

Điện thoại: (+84) 243 8345153 Fax: (+84) 243 8345153

Loại thông tin công bố:

Định kỳ [x] 24h [] 72h [] Theo yêu cầu [] Khác []

Nội dung công bố thông tin:

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (Công ty) xin được công bố Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này cũng đã được đăng tải trên website chính thức của Công ty theo đường dẫn: www.seaprodexhanoi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Tài liệu gửi kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Yên

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN HÀ NỘI
SEAPRODEX HANOI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /CBTT-TSHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội

- Mã chứng khoán: SPH
- Địa chỉ: 20 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 24 38343146
- Email: seaprodexhanoisph@gmail.com
- Website: <https://www.seaprodexhanoi.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố:
- BCTC năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.seaprodexhanoi.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025 của Công ty;
- Văn bản giải trình Báo cáo tài chính Công ty năm 2025.

Đại diện tổ chức
Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Thu Yên

Số: 81 /TSHN-KTTC
V/v: Giải trình BCTC Công ty năm 2025

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ vào Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (sau đây viết tắt là Công ty) đã công bố.

Công ty xin giải trình về sự biến động kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính Công ty năm 2025 và năm 2024, như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024	Tăng, giảm (%)
1	Doanh thu thuần về BH và CCDV	Tr đồng	82.294	48.401	70%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr đồng	3.648	3.678	-1%
3	Thu nhập khác	Tr đồng	36.072	2.855	1163%
4	Giá vốn hàng bán	Tr đồng	44.631	42.600	5%
5	Chi phí tài chính	Tr đồng	42	860	-95%
6	Chi phí bán hàng	Tr đồng	7.592	6.311	20%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr đồng	31.790	33.221	-4%
8	Chi phí khác	Tr đồng	141	74	90%
9	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr đồng	37.816	-28.137	
10	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	34.036	-28.137	

Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty là 34.036.465.606 đồng, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận trước thuế đạt 37,816 tỷ đồng, vượt kế hoạch chủ yếu nhờ các khoản thu nhập mang tính điều chỉnh và không thường xuyên. Một trong những nguyên nhân trọng yếu làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2025 là do khoản điều chỉnh, hoàn nhập tiền thuê đất: 31,235 tỷ đồng; giảm tiền thuê đất tại Công ty và các Chi nhánh giai đoạn 2023-2025: 11,149 tỷ đồng.

- Trong khi đó, hoạt động kinh doanh vẫn chịu áp lực từ chi phí và xử lý công nợ, do đó mức tăng lợi nhuận chưa phản ánh đầy đủ sự cải thiện bền vững.



Vậy, Công ty xin giải trình để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được nắm rõ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát cty "đề b/c".
- Lưu:VT, HCTC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC 




Thiều Thị Thanh Thúy



001028.C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN
HÀ NỘI
- TP. HÀ NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Xuân Phong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Bà Thiều Thị Thanh Thúy	Thành viên
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Trưởng ban
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Thiều Thị Thanh Thúy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 07/03/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Thiều Thị Thanh Thúy, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Thiều Thị Thanh Thúy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Số: 52/2026/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2026 từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

A blue signature of the auditor, Lê Văn Hoàng.

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.237.624.323	91.598.414.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.350.098.222	9.396.532.882
1. Tiền	111		10.350.098.222	7.390.677.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.005.855.120
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	77.816.928.375	56.054.584.903
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.257.388.143	2.257.388.143
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		75.559.540.232	53.797.196.760
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.349.031.582	20.154.086.142
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	34.865.734.483	34.660.112.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.377.849.403	5.121.538.003
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	9.451.784.843	10.018.957.562
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(49.545.881.329)	(42.846.065.690)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.7	13.199.544.182	13.199.544.182
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	2.697.448.549	4.452.565.115
1. Hàng tồn kho	141		3.437.670.362	4.452.565.115
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(740.221.813)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.024.117.595	1.540.645.009
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.029.269.439	1.390.115.622
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	994.848.156	150.529.387
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.238.814.537	8.993.941.433
II. Tài sản cố định	220		2.423.302.538	2.572.731.245
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	2.073.302.538	2.222.731.245
Nguyên giá	222		59.648.059.135	59.829.947.784
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.574.756.597)	(57.607.216.539)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	350.000.000	350.000.000
Nguyên giá	228		694.370.036	694.370.036
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(344.370.036)	(344.370.036)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.815.511.999	6.421.210.188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	196.077.179	21.771.461
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.12	2.619.434.820	6.399.438.727
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		107.476.438.860	100.592.355.484

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.045.322.899	42.197.705.129
I. Nợ ngắn hạn	310		15.045.322.899	42.197.705.129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	1.210.001.806	644.593.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	4.273.225.661	4.246.814.749
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	426.481.875	12.058.131.392
4. Phải trả người lao động	314	4.16	3.662.309.458	1.358.978.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	520.812.367	19.197.860.286
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	487.320.572	229.309.440
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	4.436.706.268	4.417.611.444
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.464.892	44.406.023
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.431.115.961	58.394.650.355
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	92.431.115.961	58.394.650.355
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.404.233.622	8.404.233.622
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.973.117.661)	(50.009.583.267)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(50.009.583.267)	(21.872.868.376)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.036.465.606	(28.136.714.891)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		107.476.438.860	100.592.355.484



Thiều Thị Thanh Thúy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thu Yên
Kê toán trưởng

Đặng Thị Thơi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	82.294.597.841	48.400.711.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	-	5.610.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82.294.597.841	48.395.101.124
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	44.631.524.272	42.599.814.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.663.073.569	5.795.286.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	3.647.989.582	3.678.024.543
7. Chi phí tài chính	22	5.5	42.589.392	859.651.620
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	7.592.310.715	6.311.169.701
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	31.790.160.181	33.220.518.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.886.002.863	(30.918.028.760)
11. Thu nhập khác	31	5.8	36.072.040.361	2.854.948.927
12. Chi phí khác	32	5.9	141.573.711	73.635.058
13. Lợi nhuận khác	40		35.930.466.650	2.781.313.869
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.816.469.513	(28.136.714.891)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.12	3.780.003.907	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.036.465.606	(28.136.714.891)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	3.404	(2.814)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.6	3.404	(2.814)



Thiều Thị Thanh Thúy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thu Yên
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thơi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.816.469.513	(28.136.714.891)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		783.217.708	789.417.371
Các khoản dự phòng	03		7.440.037.452	13.963.597.275
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.570.951	(62.317.476)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.316.071.661)	(1.890.132.447)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		42.748.223.963	(15.336.150.168)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.947.217.109	8.227.685.493
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.021.068.033	6.050.579.989
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(27.148.606.162)	(1.348.153.573)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(174.305.718)	56.614.168
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(15.941.131)	(39.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.377.656.094	(2.388.724.091)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(607.647.218)	(34.296.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22		84.000.001	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.460.943.370)	(42.079.546.598)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		36.698.599.898	27.661.204.661
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.906.449.439	1.895.747.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.379.541.250)	(12.556.890.681)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.150.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.150.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		977.964.844	(14.945.614.772)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.396.532.882	24.279.830.178
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(24.399.504)	62.317.476
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		10.350.098.222	9.396.532.882



Thiều Thị Thanh Thúy
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thu Yên
 Kế toán trưởng

Đặng Thị Thơi
 Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội - Doanh nghiệp Nhà nước, thành viên của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam, được thành lập lại theo Quyết định số 251-TS/QĐ-TC ngày 31 tháng 3 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Năm 2006, Công ty đã thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 743/QĐ-BTS ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thủy sản về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội và chính thức hoạt động theo mô hình mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102848 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 11 năm 2023, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngày 19 tháng 05 năm 2014, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường UPCOM theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là SPH.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 143 (31/12/2024: 177).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất xuất khẩu và Thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa, hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến, bảo quản các sản phẩm từ thịt;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc là:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội - Xí nghiệp chế biến Thủy sản Xuân Thủy	Xóm 6, Xã Xuân Hưng, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (*) (Đang làm thủ tục giải thể)	2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội Xí nghiệp chế biến Thủy đặc sản Xuất khẩu Hà Nội	Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội - Xí nghiệp giao nhận Thủy sản Xuất khẩu Hải Phòng	Số 77 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội tại Quảng Ninh (Đang làm thủ tục giải thể)	Số 68 Triều Dương, Phường Móng Cái 1, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

(*) Ngày 06/12/2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 456/NQ-TSHN-HĐQT thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Ngày 16/05/2025, Công ty gửi Thông báo số 172/TB-TSHN-HCTC về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh đến Phòng Đăng ký kinh doanh TP. Hồ Chí Minh. Ngày 08/01/2026, Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 237/TB-TPHCM về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2025

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 5 - 7 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng không thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

M.S.D.N.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% hoặc không phải kê khai tính nộp thuế GTGT đối với hoạt động bán hải sản trong nước chỉ qua sơ chế thông thường;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các hoạt động mua bán trong nước khác. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với các hàng hóa dịch vụ kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 6.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		842.707.000		419.900.000
Tiền gửi ngân hàng		9.507.391.222		6.970.777.762
+ VND		2.392.295.683		4.110.481.596
+ USD	272.849,34 #	7.115.095.539	113.274,57 #	2.860.296.166
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (VND)		-		2.005.855.120
Cộng		10.350.098.222		9.396.532.882

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Ngân hàng TMCP	2.257.388.143	9.964.970.700	-	2.257.388.143	9.029.292.700	-
Xuất Nhập Khẩu						
Việt Nam						
	2.257.388.143	9.964.970.700	-	2.257.388.143	9.029.292.700	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	75.559.540.232	75.559.540.232	53.797.196.760	53.797.196.760
Cộng	75.559.540.232	75.559.540.232	53.797.196.760	53.797.196.760

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	10.865.000.000	12.145.000.000
Công ty TNHH Thanh Bình Gold (*)	6.359.224.000	6.524.224.000
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn	4.455.000.000	5.740.000.000
Các khách hàng khác	13.186.510.483	10.250.888.085
Cộng	34.865.734.483	34.660.112.085

(*) Căn cứ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2025/QĐST-KDTM ngày 14/08/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tỉnh Thanh Hóa, tính đến ngày 06/08/2025 Công ty TNHH Thanh Bình Gold còn nợ Công ty số tiền gốc là 6.359.224.000 VND và có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ theo lộ trình bắt đầu từ đợt 1 (chậm nhất ngày 25/11/2025) cho đến đợt 19 (chậm nhất ngày 25/05/2030 thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Cầu Vòng Đỏ	-	3.700.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bắc Việt Chung	869.038.977	869.038.977
Doanh nghiệp tư nhân Nguyên Quy (Bến Tre)	207.119.676	207.119.676
Các nhà cung cấp khác	301.690.750	345.379.350
Cộng	1.377.849.403	5.121.538.003

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	753.391.207	-	427.768.986	-
Tạm ứng	73.610.144	-	7.113.257	-
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	2.844.283.560	2.844.283.560	2.266.809.039	2.266.809.039
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	1.938.218.943	1.938.218.943	1.542.076.817	1.542.076.817
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ VHS Quốc tế	1.137.580.821	1.137.580.821	1.137.580.822	1.137.580.822
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn	1.405.634.489	1.405.634.489	1.122.692.569	1.122.692.569
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại Gia Long	873.380.538	873.380.538	873.380.539	873.380.539
Các khoản phải thu khác	425.685.141	-	2.641.535.533	-
Cộng	9.451.784.843	8.199.098.351	10.018.957.562	6.942.539.786

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	53.206.759.677	3.660.878.348	57.340.201.112	14.494.135.422
Cộng	53.206.759.677	3.660.878.348	57.340.201.112	14.494.135.422

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI
Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Giá trị Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý	13.097.174.101	-	Trên 3 năm	13.097.174.101	-	Trên 3 năm
Tài khoản 131 "Phải thu khách hàng"						
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	10.865.000.000	-	Trên 3 năm	11.145.000.000	3.343.500.000	Từ 2 đến 3 năm
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	6.359.224.000	-	Trên 3 năm	6.524.224.000	1.957.267.200	Từ 2 đến 3 năm
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ VHS Quốc Tế	2.842.470.696	-	Trên 3 năm	3.042.470.696	912.741.209	Từ 2 đến 3 năm
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại Gia Long	1.061.657.755	-	Trên 3 năm	1.171.657.755	351.497.326	Từ 2 đến 3 năm
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn	4.455.000.000	1.336.500.000	Từ 2 đến 3 năm	4.740.000.000	2.370.000.000	Từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh	2.314.127.400	1.157.063.700	Từ 1 đến 2 năm	2.574.127.400	1.801.889.180	Từ 6 tháng đến 1 năm
Chi nhánh Hà Nội Công ty CP Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Hạ Long	1.386.008.440	693.004.220	Từ 1 đến 2 năm	1.586.008.440	1.110.205.908	Từ 6 tháng đến 1 năm
Các đối tượng khác	1.418.109.531	474.310.428		1.608.109.531	797.034.599	
Tài khoản 331 "Trả trước người bán"						
Công ty CP Thương mại Cầu Vòng Đồ	-	-	Đã thu hồi	3.700.000.000	1.850.000.000	Từ 1 đến 2 năm
Các đối tượng khác	1.208.889.403	-		1.208.889.403	-	
Tài khoản 138 "Phải thu khác"						
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	2.844.283.560	-		2.266.809.039	-	
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	1.938.218.943	-		1.542.076.817	-	
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ VHS Quốc Tế	1.137.580.821	-		1.137.580.822	-	
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại Gia Long	873.380.538	-		873.380.539	-	
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn	1.405.634.489	-		1.122.692.569	-	
Cộng	53.206.759.677	3.660.878.348		57.340.201.112	14.494.135.422	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng tồn kho (*)	13.199.544.182	13.097.174.101	13.199.544.182	13.097.174.101
Cộng	13.199.544.182	13.097.174.101	13.199.544.182	13.097.174.101

(*) Trong đó, giá trị lô thép bị chiếm dụng tại ngày 31/12/2025 là 13.097.174.101 VND. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo Hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HDGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Công ty mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Thái Sơn theo Hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Tính đến hết năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho toàn bộ giá trị lô thép này.

Giá trị hàng tồn kho thiếu chờ xử lý đến năm 2025 là 102.370.081 VND.

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	633.564.652	-	614.500.656	-
Công cụ, dụng cụ	96.575.661	-	94.187.990	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	114.760.235	-	-	-
Thành phẩm	1.260.424.194	-	2.058.401.621	-
Hàng hóa	1.332.345.620	740.221.813	1.685.474.848	-
Cộng	3.437.670.362	740.221.813	4.452.565.115	-

Giá trị hàng tồn kho giảm giá, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 742.059.909 VND.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI
Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	28.768.471.667	24.217.065.287	6.412.814.406	431.596.424	59.829.947.784
Đầu tư XDCB hoàn thành	639.962.281	-	-	-	639.962.281
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(745.256.561)	(35.436.364)	(780.692.925)
Giảm khác	(41.158.005)	-	-	-	(41.158.005)
Tại ngày 31/12/2025	29.367.275.943	24.217.065.287	5.667.557.845	396.160.060	59.648.059.135
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	28.497.005.710	22.610.159.057	6.134.838.947	365.212.825	57.607.216.539
Khấu hao trong năm	55.153.336	552.848.340	146.089.308	35.300.004	789.390.988
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(745.256.561)	(35.436.364)	(780.692.925)
Giảm khác	(41.158.005)	-	-	-	(41.158.005)
Tại ngày 31/12/2025	28.511.001.041	23.163.007.397	5.535.671.694	365.076.465	57.574.756.597
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	271.465.957	1.606.906.230	277.975.459	66.383.599	2.222.731.245
Tại ngày 31/12/2025	856.274.902	1.054.057.890	131.886.151	31.083.595	2.073.302.538

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 53.010.016.163 VND.

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	455.343.236	239.026.800	694.370.036
Mua trong năm	-	-	-
 Tại ngày 31/12/2025	455.343.236	239.026.800	694.370.036
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2025	105.343.236	239.026.800	344.370.036
Khấu hao trong năm	-	-	-
 Tại ngày 31/12/2025	105.343.236	239.026.800	344.370.036
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	350.000.000	-	350.000.000
 Tại ngày 31/12/2025	350.000.000	-	350.000.000

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 344.370.036 VND.

Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	15.708.000	13.371.461
Các khoản khác	180.369.179	8.400.000
Cộng	196.077.179	21.771.461

4.12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.619.434.820	6.399.438.727
Cộng	2.619.434.820	6.399.438.727

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	521.389.255	521.389.255	23.529.500	23.529.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	-	-	61.392.000	61.392.000
Công ty TNHH Đầu tư và Tiếp vận Thủ đô	72.245.600	72.245.600	122.596.220	122.596.220
Đội Quản lý điện lực khu vực Xuân Trường	88.753.536	88.753.536	70.311.789	70.311.789
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản	-	-	63.468.754	63.468.754
Các nhà cung cấp khác	527.613.415	527.613.415	303.295.032	303.295.032
Cộng	1.210.001.806	1.210.001.806	644.593.295	644.593.295
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	521.389.255	521.389.255	84.921.500	84.921.500

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Thái Sơn	4.199.967.000	4.199.967.000
Các đối tượng khác	73.258.661	46.847.749
Cộng	4.273.225.661	4.246.814.749

4.15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	404.074.807	4.640.278.219	4.256.832.356	-	20.628.944
Thuế TNDN	150.000.000	-	-	-	150.000.000	-
Thuế TNCN	-	22.407.068	150.569.914	132.521.878	529.387	4.888.419
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (*)	844.848.156	-	9.279.910.553	22.157.372.738	-	12.032.614.029
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Cộng	994.848.156	426.481.875	14.077.758.686	26.553.726.972	150.529.387	12.058.131.392

(*) Trong đó, tiền thuê đất đã trích lập từ các năm trước, hoàn nhập trong năm là 13.079.205.390 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Lương	3.662.309.458	1.358.978.500
Cộng	3.662.309.458	1.358.978.500

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trích tiền thuê đất (*)	-	19.024.585.344
Trích trước chi phí tiền điện	411.335.100	84.390.090
Trích trước chi phí kiểm toán	75.000.000	75.000.000
Các khoản trích trước khác	34.477.267	13.884.852
Cộng	520.812.367	19.197.860.286

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn nhập tiền thuê đất đã trích lập từ các năm trước với số tiền là 19.024.585.344 VND.

4.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Doanh thu nhận trước	487.320.572	229.309.440
Cộng	487.320.572	229.309.440

4.19. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	35.813.473	35.813.473
Kinh phí công đoàn	45.589.260	68.026.441
Bảo hiểm y tế	1.437.005	-
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	167.676.467
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	257.761.700	277.911.700
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.351.489.500	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	576.938.863	3.868.183.363
Cộng	4.436.706.268	4.417.611.444

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	100.000.000.000	8.404.233.622	(21.872.868.376)	86.531.365.246
Lỗi trong năm trước	-	-	(28.136.714.891)	(28.136.714.891)
Tại ngày 01/01/2025	100.000.000.000	8.404.233.622	(50.009.583.267)	58.394.650.355
Lãi trong năm nay	-	-	34.036.465.606	34.036.465.606
Tại ngày 31/12/2025	100.000.000.000	8.404.233.622	(15.973.117.661)	92.431.115.961

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	59.340.000.000	59.340.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	40.660.000.000	40.660.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.20.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi/ lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	34.036.465.606	(28.136.714.891)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/ lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.036.465.606	(28.136.714.891)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.404	(2.814)

4.20.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi/ lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	34.036.465.606	(28.136.714.891)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/ lỗ sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	34.036.465.606	(28.136.714.891)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.404	(2.814)

Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty do Công ty vẫn còn lỗ lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	8.404.233.622
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	8.404.233.622

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
+ Tiền gửi ngân hàng (USD)	272.849,34	113.274,57

	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:			
+ Tôm đở Argentina nhập khẩu còn vỏ bỏ đầu đông lạnh cỡ C2	Kg	194.476,00	74.016,00
+ Tôm đở Argentina nguyên con đông lạnh (L2)	Kg	9.600,00	-
+ Tôm nước lạnh nguyên con đông lạnh (Ama)	Kg	43.947,00	38.818,50
+ Tôm thủy tinh Nhật bản nguyên con đông lạnh	Kg	30,00	30,00
+ Tôm hùm đông lạnh	Kg	18,16	8.553,36
+ Cá trích nguyên con đông lạnh cỡ 50-70gr/con	Kg	16.545,00	-
+ Cá Nhồng đở	Kg	200,00	60,00
+ Cá Bơn nguyên con đông lạnh	Kg	9,00	9,00
+ Màng co (kg)	Kg	1.682,28	3.968,28
+ Túi hấp thụ ô xy (kg)	Kg	122,90	122,90
+ Tấm lót thấm nước	Kg	362,15	46,05
+ Túi hút chân không PA (kg)	Kg	1.525,19	1.041,45
+ khay thực phẩm bằng Plastic	Cái	15.777,00	15.777,00
+ khay nhựa định hình	Cái	-	111.352,00
+ Phụ gia thực phẩm	Kg	4,00	4,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	9.287.927.850	14.528.942.511
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.006.669.991	33.871.768.613
Cộng	82.294.597.841	48.400.711.124
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	-	131.249.649

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	-	5.610.000
Cộng	-	5.610.000

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	7.974.765.697	13.056.343.971
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.916.536.762	29.543.470.544
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	740.221.813	-
Cộng	44.631.524.272	42.599.814.515

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	3.232.071.660	1.758.962.547
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	131.169.900
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	415.917.922	1.725.574.620
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	-	62.317.476
Cộng	3.647.989.582	3.678.024.543

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	18.018.441	859.651.620
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	24.570.951	-
Cộng	42.589.392	859.651.620

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.951.449.062	2.845.305.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.233.715.213	3.106.954.956
Các khoản chi phí bán hàng khác	407.146.440	358.909.433
Cộng	7.592.310.715	6.311.169.701

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.147.548.653	2.895.774.327
Thuế, phí và lệ phí	5.288.541.750	9.402.601.661
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.699.815.639	13.963.597.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.190.177.705	3.215.081.860
Các khoản chi phí QLDN khác	8.464.076.434	3.743.463.468
Cộng	31.790.160.181	33.220.518.591

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	84.000.001	-
Tiền lãi chậm trả	1.980.172.264	2.689.308.614
Hoàn nhập tiền thuế đất đã trích lập các năm trước (*)	32.103.790.734	-
Thu nhập khác	1.904.077.362	165.640.313
Cộng	36.072.040.361	2.854.948.927

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn nhập tiền thuế đất đã trích lập từ các năm trước – Xem thêm mục 4.15 và mục 4.17.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản bị phạt	70.731.756	71.358.084
Các khoản khác	70.841.955	2.276.974
Cộng	141.573.711	73.635.058

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.496.969.557	8.061.711.405
Chi phí nhân công	26.286.212.641	19.188.954.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	789.390.988	789.417.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.490.527.918	10.121.383.796
Chi phí khác bằng tiền	17.605.580.253	18.820.982.958
Cộng	68.668.681.357	56.982.450.263

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	37.816.469.513	(28.136.714.891)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.520.517.372	275.358.084
- Chi phí không hợp lệ	3.229.628.945	71.358.084
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư ngoại tệ cuối năm nay	24.570.951	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư ngoại tệ cuối năm trước	62.317.476	-
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp điều hành	204.000.000	204.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	18.900.019.534	86.375.571
- Tiền thuê đất đã tính thuế TNDN từ các năm trước	18.900.019.534	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư ngoại tệ cuối năm nay	-	62.317.476
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư ngoại tệ cuối năm trước	-	24.058.095
Trừ: Lỗi năm trước chuyển sang	22.436.967.351	-
Tổng thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	-	(27.947.732.378)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.780.003.907	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.780.003.907	-

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Nam Định
- Chi nhánh Hà Nội
- Chi nhánh Hải Phòng
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

	Văn phòng Công ty VND	Chi nhánh Nam Định VND	Chi nhánh Hà Nội VND	Chi nhánh Hải Phòng VND	Chi nhánh Hồ Chí Minh VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Doanh thu	44.004.020.695	36.281.703.080	18.948.039.885	1.314.905.809	-	(18.254.071.628)	82.294.597.841
+ Từ khách hàng bên ngoài	44.004.020.695	18.081.264.537	18.894.406.800	1.314.905.809	-	-	82.294.597.841
+ Giữa các bộ phận	-	18.200.438.543	53.633.085	-	-	(18.254.071.628)	-
Giảm trừ	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần	44.004.020.695	36.281.703.080	18.948.039.885	1.314.905.809	-	(18.254.071.628)	82.294.597.841
Giá vốn hàng bán	25.659.969.697	28.559.717.489	7.562.722.977	1.051.052.652	-	(18.201.938.543)	44.631.524.272
Lợi nhuận gộp	18.344.050.998	7.721.985.591	11.385.316.908	263.853.157	-	(52.133.085)	37.663.073.569

Tại ngày 31/12/2025

	Văn phòng Công ty VND	Chi nhánh Nam Định VND	Chi nhánh Hà Nội VND	Chi nhánh Hải Phòng VND	Chi nhánh Hồ Chí Minh VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Tài sản của bộ phận	99.056.563.239	4.499.505.700	3.308.519.606	611.850.315	-	-	107.476.438.860
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản							107.476.438.860
Nợ phải trả của bộ phận	9.326.932.916	1.944.720.586	3.609.752.758	163.916.639	-	-	15.045.322.899
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả							15.045.322.899

Năm 2025

	Văn phòng Công ty VND	Chi nhánh Nam Định VND	Chi nhánh Hà Nội VND	Chi nhánh Hải Phòng VND	Chi nhánh Hồ Chí Minh VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	639.962.281	-	-	-	639.962.281
Chi phí khấu hao	288.864.300	425.587.164	74.939.524	-	-	-	789.390.988

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

	Văn phòng Công ty VND	Chi nhánh Nam Định VND	Chi nhánh Hà Nội VND	Chi nhánh Hải Phòng VND	Chi nhánh Hồ Chí Minh VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Doanh thu	32.141.856.725	26.603.711.214	4.921.567.352	2.784.489.996	-	(18.050.914.163)	48.400.711.124
+ Từ khách hàng bên ngoài	32.141.856.725	9.268.330.583	4.800.997.316	2.189.526.500	-	-	48.400.711.124
+ Giữa các bộ phận	-	17.335.380.631	120.570.036	594.963.496	-	(18.050.914.163)	-
Giảm trừ	5.610.000	-	-	-	-	-	5.610.000
Doanh thu thuần	32.136.246.725	26.603.711.214	4.921.567.352	2.784.489.996	-	(18.050.914.163)	48.395.101.124
Giá vốn hàng bán	31.021.651.513	21.815.568.917	4.745.145.567	2.908.212.604	-	(17.890.764.086)	42.599.814.515
Lợi nhuận gộp	1.114.595.212	4.788.142.297	176.421.785	(123.722.608)	-	(160.150.077)	5.795.286.609
Tại ngày 31/12/2024							
Tài sản của bộ phận	93.707.024.306	4.191.323.593	1.810.600.863	662.212.341	221.194.381	-	100.592.355.484
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản							100.592.355.484
Nợ phải trả của bộ phận	40.342.317.162	1.469.972.539	304.636.900	64.596.697	16.181.831	-	42.197.705.129
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả							42.197.705.129
Năm 2024							
Văn phòng Công ty VND	289.750.847	425.587.164	74.079.360	-	-	-	789.417.371
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao	-	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
2. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Cùng công ty mẹ
3. Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Chung công ty đầu tư
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2025</u> <u>VND</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	521.389.255	23.529.500
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	-	61.392.000
Cộng - Xem thêm mục 4.13	<u>521.389.255</u>	<u>84.921.500</u>

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	-	131.249.649
Cộng - Xem thêm mục 5.1	<u>-</u>	<u>131.249.649</u>
	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	2.901.681.100	778.055.350
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	623.512.500	403.594.500
Cộng	<u>3.525.193.600</u>	<u>1.181.649.850</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Mai Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Phú Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Thiều Thị Thanh Thúy	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 15/04/2024)	60.000.000	42.500.000
Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	-	17.500.000
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Trưởng BKS	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Phú Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	319.000.000	319.651.400
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên BKS	267.868.084	197.122.700
Bà Thiều Thị Thanh Thúy	Tổng Giám đốc	707.669.933	311.709.300
Ông Nguyễn Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 07/03/2025)	362.334.503	-

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các Hợp đồng thuê hoạt động tại Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; tại 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Thành phố Hà Nội; tại Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng và tại Xã Xuân Hưng, Tỉnh Ninh Bình. Tiền thuê đất được trả hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	8.866.211.346	15.008.157.414
Cộng	8.866.211.346	15.008.157.414

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Thiều Thị Thanh Thúy
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thu Yến
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thơi
Người lập

